

Số: 188 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế năm 2021
của UBND huyện Minh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Theo đề nghị của UBND huyện Minh Long tại Tờ trình số 169/TTr-UBND ngày 30/12/2020 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 200/SNV-TCBC ngày 28/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tinh giản biên chế năm 2021 của UBND huyện Minh Long.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Minh Long có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả và tập hợp hồ sơ, lập danh sách, dự toán kinh phí chi trả cho đối tượng được tinh giản biên chế, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt kinh phí chi trả cho các đối tượng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Minh Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy(b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- VPUB: CBTH;
- Lưu: VT, NCvi80.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Phiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**Thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2021
của Ủy ban nhân dân huyện Minh Long**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 188 /QĐ-UBND
ngày 02/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần I

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH, MỤC ĐÍCH YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Minh Long là huyện miền núi nằm về phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, là một trong 62 huyện nghèo của cả nước, toàn huyện có 5 đơn vị hành chính cấp xã, đều là xã vùng cao của tỉnh, với 31 thôn; với dân số khoảng 18.653 người, là địa bàn cư trú của hai cộng đồng cư dân thuộc hai dân tộc Kinh và Hrê. Trong đó dân tộc Hrê chiếm khoảng 70,81% dân số. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 23.719,87 ha, chiếm 4,65% tổng diện tích toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tổ chức bộ máy của UBND huyện Minh Long bao gồm 13 cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu cho UBND huyện về quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực; các đơn vị sự nghiệp phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước.

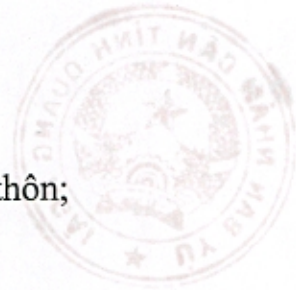
1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện

Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tư pháp;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;

- Phòng Y tế;
- Thanh tra;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Dân tộc.



3. Các đơn vị sự nghiệp gồm

- Sự nghiệp giáo dục: Có 16 đơn vị (Trong đó 05 trường Trung học cơ sở, 05 trường Tiểu học và 05 trường Mầm non, Mẫu giáo và 01 Trường PTDTNT THCS Minh Long);
- Sự nghiệp Văn hóa: Trung tâm TT-VH-TT;
- Sự nghiệp khác: Trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC TỈNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Mục đích và yêu cầu

a) Thực hiện mục tiêu từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý, điều hành của chính quyền cấp huyện đến cấp xã.

b) Thực hiện chính sách tinh giản biên chế trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại công chức, viên chức gắn với việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức.

2. Nguyên tắc tinh giản biên chế

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện;

b) Đảm bảo tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật; thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật;

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan mình quản lý theo thẩm quyền.

Phần II

CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của

Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Thông tư Liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

- Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 126-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ, Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 05/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII;

- Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch tinh giản biên chế khối Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2018-2021.

Phần III

TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ

I. THỰC TRẠNG BIÊN CHẾ, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

1. Về thực trạng biên chế

a) Biên chế hành chính

Tổng số biên chế hành chính được giao là 51. Đến nay đã thực hiện 44 biên chế. Trong đó Lãnh đạo HĐND và UBND là 06 biên chế; 12 phòng ban 38 biên chế, cụ thể:

- Phòng Nội vụ: 04 biên chế;
- Phòng Tư pháp: 03 biên chế;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch: 05 biên chế;
- Phòng Tài nguyên - Môi trường: 04 biên chế;
- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 05 biên chế;
- Phòng Văn hóa và Thông tin: 03 biên chế;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo: 04 biên chế;
- Phòng Y tế: 01 biên chế;
- Thanh tra huyện: 03 biên chế;
- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 biên chế;

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng: 02 biên chế ;
- Phòng Dân tộc: 02 biên chế.

b) Biên chế sự nghiệp

Tổng biên chế sự nghiệp được giao là 427 Đến nay đã thực hiện 389 biên chế, cụ thể:

* *Sự nghiệp giáo dục*: Biên chế được giao 398 biên chế, đã thực hiện 368 biên chế, cụ thể:

- Sự nghiệp giáo dục Mầm non: 107 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục Tiểu học: 142 biên chế;
- Sự nghiệp giáo dục Trung học cơ sở: 119 biên chế.

* *Sự nghiệp tại các cơ quan, đơn vị*: biên chế được giao 29 biên chế, đã thực hiện 21 biên chế, trong đó:

- Sự nghiệp Văn hóa: 11 biên chế (*Trung tâm TT-VH-TT*)
- Sự nghiệp khác: 10 biên chế (*Trung tâm dịch vụ nông nghiệp*)

c) Biên chế công chức xã, thị trấn: Tổng biên chế được giao là 113, đến nay đã thực hiện 103 biên chế.

2. Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

a) Khối hành chính:

Tổng số công chức hiện có là 44 người, trong đó:

- Thạc sĩ 10 người, tỷ lệ: 23,26%;
- Đại học 33 người, tỷ lệ: 74,42%;
- Cao đẳng 01 người, tỷ lệ: 2,32%.

b) Khối sự nghiệp:

Tổng số viên chức hiện có là: 389 người, trong đó:

- Thạc sĩ: 02 người, tỷ lệ 0,51%;
- Đại học: 186 người, tỷ lệ: 47,81%;
- Cao đẳng: 131 người, tỷ lệ: 33,67%;
- Trung cấp: 70 người, tỷ lệ: 17,50%.

c) Cán bộ, công chức xã, thị trấn:

Tổng số biên chế hiện có 103 biên chế

- Đại học: 73 người, tỉ lệ: 70,88%;

- Cao đẳng: 02 người, tỉ lệ: 1,94%;
- Trung cấp: 28 người, tỉ lệ: 27,18%.

II. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

1. Những người thuộc diện dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn nghiệp vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, không còn phù hợp với vị trí việc làm mới.

2. Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác.

3. Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

4. Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

5. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

6. Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

III. KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

Căn cứ vào thực trạng về tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và định hướng kế hoạch cho các năm tiếp theo; Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng đội ngũ công chức, viên chức và có kế hoạch thực hiện việc tinh giản biên chế như sau:

Trong năm 2021, có 02 viên chức đủ điều kiện thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ,

(Có Danh sách kèm theo)

IV. QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG BIÊN CHẾ ĐÃ THỰC HIỆN TINH GIẢN

UBND huyện Minh Long được sử dụng tối đa 50% số biên chế đã thực hiện tinh giản theo Đề án này để tuyển dụng, tiếp nhận mới công chức, viên chức theo quy định.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch UBND huyện Minh Long có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả; tiến hành lập hồ sơ, danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cụ thể cho đối tượng tinh giản biên chế, gửi Sở Nội vụ thẩm định đối tượng và Sở Tài chính thẩm định kinh phí trình UBND tỉnh phê duyệt, chi trả trợ cấp cho đối tượng được hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định.

2. Định kỳ vào ngày 15/12 hàng năm, UBND huyện Minh Long có trách nhiệm tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện tinh giản biên chế của địa phương, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ)./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2021 CỦA UBND HUYỆN MINH LONG

(Kèm theo Quyết định số 488 /QĐ-UBND ngày 22 /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn và chuyên ngành được đào tạo	Chức danh chuyên môn đang đảm nhận	Số năm đóng BHXH	Tuổi khi giải quyết tình giản biên chế	Thời điểm tình giản biên chế	Lý do tình giản biên chế	Ghi chú	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
	KHỎI SỰ NGHIỆP									
	Nghĩ hưu trước tuổi									
	<i>Trường Mầm non Long Sơn</i>									
1	Huỳnh Thị Em	10/10/1968	Cao đẳng	Hiệu trưởng	34 năm 7 tháng	52 tuổi 4 tháng	01/3/2021	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế (NH 2019-2020) nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý		
	<i>Trường THCS Long Sơn</i>									
2	Huỳnh Trang	20/4/1964	Cao đẳng	Giáo viên	37 năm 5 tháng	57 tuổi	01/5/2021	Viên chức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tình giản biên chế (NH 2019-2020) nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tình giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý		

(Danh sách này có 02 người)